TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------

Bản án số: 79/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 14 – 12 – 2021
Về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Lộc.

2. Bà Nguyễn Huỳnh Hoa.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Thanh Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên Tòa***: Bà Phạm Thị Diệp – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 101/2021/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 4 năm 2021, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 68/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Chị Thạch Thị L , sinh năm 1995;

Địa chỉ: Số nhà 332 ấp Sóc Ch, xã H , huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

** Bị đơn:* Anh Trương Th , sinh năm 1992;

Địa chỉ: Nhà không số khóm B , phường V , thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/4/2021 cũng như tại đơn xin giải quyết vắng mặt, nguyên đơn Thạch Thị L trình bày:

Chị Thạch Thị L kết hôn với anh Trương Th vào năm 2014 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H , huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/01/2014. Trong thời gian sống chung, vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Trương Th (nam), sinh ngày 12/11/2014.

Sau cưới, vợ chồng chị L sống chung với cha mẹ ruột của chị L cho đến khi chị Linh mang thai cháu Th được 2 tháng thì anh Th lấy cớ đi làm và không quay về.

Nay, nhận thấy tình cảm không còn, vợ chồng không thể hàn gắn được nữa, chị Thạch Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Thạch Thị L yêu cầu được ly hôn với anh Trương Th .

- Về con chung: Cháu Trương Th (nam), sinh ngày 12/11/2014 có nguyện vọng muốn sống với mẹ nên chị L xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, chị L không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thạch Thị L khẳng định tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ do chị L giao nộp là bản sao Giấy chứng nhận kết hôn, bản sao Giấy chứng minh nhân dân, bản sao Sổ hộ khẩu, bản sao Giấy khai sinh của cháu Trương Th .

Đối với bị đơn Trương Th : Tại phiên tòa anh Tha thống nhất với lời trình bày của chị L . Anh Th và chị Thạch Thị L kết hôn vào năm 2014 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/01/2014. Trong thời gian sống chung, vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu Trương Th (nam), sinh ngày 12/11/2014. Khi chị L mang thai được 2 tháng, anh Th đi làm công nhưng sau đó cha của chị L mắng chửi, không cho về nên anh Th không thể về với vợ con được. Trong thời gian sống chung, vợ chồng không có tài sản chung và cũng không có nợ chung đúng như chị L trình bày. Nay, anh Th đồng ý ly hôn với chị Thạch Thị L ; đồng ý giao cho chị L được trực tiếp nuôi con là

cháu Trương Th (nam), sinh ngày 12/11/2014 đến khi cháu Th thành niên; anh Th không cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn anh Trương Th , trong suốt quá trình giải quyết vụ án đều vắng mặt không có lý do, tuy nhiên tại phiên tòa có mặt. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị L được ly hôn với anh Th , giao cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh Th không phải cấp dưỡng cho con; không xem xét, giải quyết về tài sản và nợ chung do không có yêu cầu; chị L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị L khởi kiện, yêu cầu ly hôn với anh Trương Th và yêu cầu tiếp tục nuôi con chung. Yêu cầu của chị L được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (sau đây gọi là Luật hôn nhân và gia đình) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, tại đơn xin vắng mặt, nguyên đơn có trình bày rõ các yêu cầu của mình và Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về nội dung giải quyết:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu, Giấy khai sinh của cháu Trương Th cũng như lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa, đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của chị L và anh Th về việc kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H , huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/01/2014 và vợ chồng đã có 01 con chung là sự thật. Vì

vậy, giữa chị L và anh Th đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp, quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuy nhiên, hiện nay, chị L và anh Th không còn chung sống với nhau nữa; mạnh ai nấy sống, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, không cùng nhau thực hiện các công việc gia đình; không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không biết được thông tin về tình trạng cuộc sống của nhau; không cùng nhau nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Như vậy, chị L và anh Th đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình; vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, giải quyết cho chị L được ly hôn với anh Th .

Đối với quyền nuôi con chung: Tại thời điểm xét xử vụ án cháu Th đã trên 7 tuổi, có nguyện vọng muốn sống với mẹ và hiện đang sống với mẹ, như vậy chị L đã thực hiện đúng nghĩa vụ và quyền của cha mẹ quy định tại Điều 69 của Luật hôn nhân và gia đình. Về phía anh Th , suốt thời gian chị L nuôi con, anh Th đã không có sự quan tâm, nuôi dưỡng, chăm lo ở mức cần thiết đối với con chung; anh Th đã vi phạm nghĩa vụ và quyền của cha mẹ như quy định của điều luật đã viện dẫn ở trên. Mặc khác, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và anh Th cũng đồng ý giao cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th cho đến khi cháu Th thành niên, nên căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trương Th (nam), sinh ngày 12/11/2014 đến khi thành niên; đồng thời, ghi nhận ý chí tự nguyện của chị L về việc không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con

Nguyên đơn và bị đơn tiếp tục khẳng định tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị L phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Thạch Thị L được ly hôn với anh Trương Th .

2. Về quyền nuôi con chung: Giao cho chị Thạch Thị L được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Trương Th (nam), sinh ngày 12/11/2014 đến khi cháu Th thành niên, lao động được. Ghi nhận ý chí tự nguyện của chị L , về việc không yêu cầu anh Th cấp dưỡng cho con.

Trong thời gian chị L nuôi dưỡng con chung, không ai được quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc, giáo dục của cha mẹ đối với con chung.

Vì quyền lợi về mọi mặt của cháu Th , chị L có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi nghĩa vụ và mức cấp dưỡng cho con; anh Th có thể yêu cầu giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Các đương sự thực hiện quyền này theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn khẳng định tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Thạch Thị L phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là

300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0009455 ngày 15/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Anh Trương Th được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, chị Thạch Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- UBND xã H , huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

VÕ THỊ HIẾU